TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45 /2022/DS-ST
Ngày: 27-7-2022.
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển;
Bà Quang Kim Cúc.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2022/TLST-DS ngày 24/05/2022, "V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 06 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 515/2022/QĐST-DS ngày 11/07/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Nguyễn H H, *Sinh năm*: 1961; *Là chủ hộ kinh doanh H H* ; *Địa chỉ*: 14D/1 ấp H Đ, xã T H, huyện L V, tỉnh Đ T.

Ủy quyền cho ông Nguyễn N Â, sinh năm: 1956 (có mặt); Địa chỉ: 291/2 ấp L K , xã L H, huyện L V, tỉnh Đ T.

2. *Bị đơn*:

2.1. Lâm H H , tên gọi khác: H, *Sinh năm*: 1985 (vắng mặt);

2.2. Thái T E, sinh năm: 1982 (vắng mặt); *Cùng địa chỉ*: 267C/2 ấp H Đ, xã T H, huyện L V, tỉnh Đ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H ủy quyền cho Nguyễn N Â trình bày:

Lâm H H (H), Thái T E có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Nguyễn H H từ năm 2014 đến tháng 10 năm 2016 để chăm sóc vườn cam quýt, số tiền nợ trên 200.000.000 đồng, có nhiều lần trả tiền nợ đến tháng 10/2016 chốt sổ còn nợ tổng cộng 189.829.000 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu Lâm H H (H), Thái T E trả tiền nH chưa trả. Ông Nguyễn H H nhờ Ban nhân dân ấp Hòa Định, xã Tân Hòa hòa giải, theo Biên bản hòa giải ngày 25/6/2021 Lâm H H (H) thừa nhận có nợ nH do vườn thất bát không có khả năng trả, ông Hải sẽ về nhà xem lại số nợ có khớp với số tiền ông Hậu ghi là 189.829.000 đồng không và hứa trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nH không thực hiện trả nợ như đã hứa.

Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lâm H H (H), Thái T E cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ vốn là 189.829.000 đồng và yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 25/6/2021 đến 25/4/2022 là 10 tháng x 0,83%/01 tháng = 15.755.000 đồng, tổng cộng 205.584.000 đồng.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/6/2022 bị đơn Lâm H H (H) trình bày:

Lâm H H (H) có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 để chăm sóc vườn cam quýt của gia đình, số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là bao nhiêu thì Lâm H H (H) chưa cộng sổ lại nên chưa biết, Lâm H H (H) sẽ cung cấp trình bày sổ và số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông Hậu, cụ thể tôi nợ bao nhiêu để Tòa án giải quyết. Ngày 25/6/2021 Ban nhân ấp Hòa Định, xã Tân Hòa hòa giải, tại biên bản hòa giải Lâm H H (H) thừa nhận có nợ nH do vườn thất bát không có khả năng trả, ông Hải sẽ về nhà xem lại số nợ có khớp với số tiền ông Hậu ghi là 189.829.000 đồng không và hứa trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nH do dịch bệnh nên chưa trả và cũng chưa xem lại sổ.

Thái T E với Lâm H H (H) là vợ chồng nH Thái T E không trực tiếp mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông Hậu nên ông Hải cho rằng Tháo Thị Em không liên quan đến số tiền này.

* Bị đơn Thái T E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn H H khởi kiện yêu cầu Lâm H H (H), Thái T E liên đới trả tiền nợ mua vật tư nông nghiệp phân bón thuốc bảo vệ thực vật, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán. Các đương sự cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Thái T E đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nH vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai không có lý do. Bị đơn Lâm H H (H) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nH vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyễn H H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lâm H H (H), Thái T E liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H tiền còn nợ vốn là 189.829.000 đồng. Chứng cứ chứng minh là sổ mua bán và ngày 25/6/2021 Ban nhân ấp Hòa Định, Tân Hòa hòa giải, tại biên bản hòa giải Lâm H H (H) thừa nhận có nợ nH do vườn thất bát không có khả năng trả, ông Hải sẽ về nhà xem lại số nợ có khớp với số tiền ông Hậu ghi là 189.829.000 đồng không và hứa trả mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải của Tòa án ngày 15/6/2022 Lâm H H (H) thừa nhận có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 để chăm sóc vườn cam quýt của gia đình số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là bao nhiêu thì chưa cộng sổ lại nên chưa biết; Thái T E với Lâm H H (H) là vợ chồng nH Thái T E không trực tiếp mua phân thuốc của ông Hậu nên Thái T E không liên quan đến số tiền này.

Xét thấy Lâm H H (H) thừa nhận có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 để chăm sóc vườn cam quýt của gia đình, ngày 25/6/2021 của Ban nhân ấp Hòa Định, xã Tân Hòa hòa giải, tại biên bản hòa giải Lâm H H (H) thừa nhận có nợ nH do vườn thất bát không có khả năng trả, ông Hải sẽ về nhà xem lại số nợ có khớp với số tiền ông Hậu ghi là 189.829.000 đồng không và hứa trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nH từ ngày hòa giải tại ấp ngày 25/6/2021 đến phiên hòa giải tại Tòa án gần 01 năm nH Lâm H H (H) không đối chiếu lại sổ sách để tính số tiền còn nợ, ngày 15/6/2022 tại phiên hòa giải Lâm H H (H) trình bày sẽ về đối chiếu sổ sách xem còn nợ phân bón thuốc bảo vệ thực vật của Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H bao nhiêu tiền nH đến khi Tòa án xét xử Lâm H H (H) cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Tòa án căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, sổ mua bán và Biên bản hòa giải ngày 25/6/2021 của Ban nhân ấp Hòa Định, xã Tân Hòa để giải quyết.

Đối với bị đơn Thái T E Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bị đơn Thái T E, ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án, biết Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lâm H H (H), Thái T E cùng liên đới trả số tiền còn nợ là 189.829.000 đồng nH Thái T E không đến Tòa án cũng không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn điều đó thể hiện bị đơn Thái T E tự từ bỏ quyền phản bác của mình. Đồng thời theo như lời trình bày của Lâm H H (H) là chồng của bà Thái T E, số tiền còn nợ 189.829.000 đồng là tiền mua vật tư nông nghiệp là phân bón thuốc bảo vệ thực vật của Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H , để chăm sóc vườn quýt của gia đình.

Từ những nhận định và phân tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H , buộc Lâm H H (H), Thái T E cùng liên đới trả cho Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H số tiền còn nợ 189.829.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 430; khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Tại Điều 430 của Bộ luật dân sự quy định:

"Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán"...

Tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định:

"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng".

Đối với tiền lãi Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H yêu cầu Lâm H H (H), Thái T E liên đới trả số tiền lãi của số tiền vốn 189.829.000 đồng tính từ ngày 25/6/2021 đến 25/4/2022 là 10 tháng x 0,83%/01 tháng = 15.755.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ quy định tại Điều 357; khoản 3 Điều 440; Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tại Điều 357 của Bộ luật dân sự quy định:

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nH không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định:

..."3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này".

[3] Về tiền tạm ứng án phí, án phí:

Ông Nguyễn H H có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí và thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, nên không phải nộp tạm ứng án phí là phù hợp với phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H về việc yêu cầu Lâm H H (H), Thái T E cùng liên đới trả nợ.

2. Buộc Lâm H H (H), Thái T E cùng liên đới trả cho Nguyễn H H là chủ hộ kinh doanh H H số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ vốn là 189.829.000 đồng và tiền lãi 15.755.000 đồng, tổng cộng 205.584.000 đồng (Hai trăm lẽ năm triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tiền tạm ứng án phí, án phí:

Lâm H H (H), Thái T E cùng liên đới nộp 10.279.200 đồng (Mười triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm đồng).

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/7/2022). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Bích Huyền